TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 06-3-2025
V/v " ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và ông Nguyễn Văn Xô
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Quách Thị Nên- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc *" ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST- HNGĐ ngày 21-02-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984
Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương
- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1978
Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương
(chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn T được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp An, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) vào ngày 02-11-2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng

9-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9-2024. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Do vậy anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế từ thời điểm đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Hoàng Thu T1, sinh ngày 06-8-2002 và Hoàng Trung T2, sinh ngày 21-7-2010. Hiện nay các cháu đang ở cùng với anh T. Nay vợ chồng chị ly hôn chị giao cháu T2 cho anh T nuôi dưỡng. Cháu T1đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp An, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) vào ngày 02-11-2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 9-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị H lại còn thường xuyên hát Karaoke vào buổi đêm, anh không nghỉ ngơi được nên khiến anh mệt mỏi. Do vậy anh chị thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại. Do cuộc sống vợ chồng căng thẳng chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9-2024 đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần kH giải và bản thân anh cũng mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không được. Nay chị H xin ly hôn anh vẫn mong muốn chị suy nghĩ lại. Nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung là Hoàng Thu T1, sinh ngày 06-8-2002 và Hoàng Trung T2, sinh ngày 21-7-2010. Hiện nay các cháu đang ở cùng với anh. Nay vợ chồng chị ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm công nhân thu nhập trung bình khoảng 10.000.000 đồng/ tháng. Anh đã có nhà ở riêng ổn định nên đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cháu T1 đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bình bày. Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt cũng vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2.Về con chung: Giao con chung là Hoàng Trung T2, sinh ngày 21-7-2010 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cháu Hoàng Thu T1, sinh ngày 06-8-2002 đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Văn T. Anh T có đăng kí hộ khẩu thường trú tại khu dân cư Tây Sơn, phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã được triệu T hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Văn T đã được triệu T hợp lệ lần 2 mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều

227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn T được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn vào ngày 02-11-2001 tại Uỷ ban nhân dân xã Hiệp An, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị H và anh T cùng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 09-2024 đến nay. Anh chị không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng thực tế anh chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hai bên sống ly thân không còn hạnh phúc. Gia đình hai bên đã nhiều lần kH giải về đoàn tụ nhưng không được. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Thu Trang, sinh ngày 06-8-2002 và Hoàng Trung T2, sinh ngày 21-7-2010. Hiện nay cháu T2 đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn anh T và chị H đã cùng thống nhất giao cháu T2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét nguyện vọng của các bên về việc nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác để đảm bảo ổn định trong sinh hoạt và học T nên Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H tiếp giao cháu Hoàng Trung T2, sinh ngày 21-7-2010 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Thu T1, sinh ngày 06-8-2002 hiện nay đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1,2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2.Về con chung: Giao con chung là Hoàng Trung T2, sinh ngày 21-7-2010 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cháu Hoàng Thu T1, sinh ngày 06-8-2002 đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/23 số 0007012 ngày 08-11-2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND phường Hiệp An, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt